

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 08 - 12 - 2021

V/v Tranh chấp chia tài sản chung
sau ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Ngọc Bình

Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2021/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn*”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08A/2021/HNGĐ-ST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng bị kháng nghị.

Quyết định kháng nghị số 261/KN-VKS-DS ngày 08/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2021/QĐ-PT ngày 04/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 194/2021/QĐ-PT ngày 19/11/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1985.

Cư trú tại: số 20D, thôn PN, xã HT, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1981.

Cư trú tại: số 31, thôn ST B1, xã ĐR, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Hương Tr, sinh năm: 1963.

Cư trú tại: Số 06, thôn YKH, xã LL, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm: 1974.

Cư trú tại: Số 230, thôn ST B1, xã ĐR, huyện Đ D, tỉnh Lâm Đồng.

3.3. Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm: 1976; bà Lương Thị Hoài Nh, sinh năm: 1983.

Cư trú tại: Thôn ST B1, xã ĐR, huyện Đ D, Lâm Đồng.

(Bà B, ông S, ông Ph có mặt tại phiên tòa; bà Tr, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn Bà Huỳnh Thị B trình bày:

Bà và ông S trước đây là vợ chồng, do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đã ly hôn, được Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương giải quyết bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01/3/2018; theo quyết định này thì vấn đề tài sản chung ông bà tự thỏa thuận với nhau. Khi còn sống chung ông bà có mua chung 02 thửa đất tại thôn Suối Thông B1, xã Đa Ròn (01 thửa của bà Nguyễn Thị Hương Tr và 01 thửa của bà Trương Thị Nguyệt) mỗi thửa đất đều có chiều ngang mặt trước mặt sau đều là 6m và chiều sâu 25m. Tuy nhiên, do 02 thửa đất này đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông bà chỉ lập giấy tay chứ không làm hợp đồng chuyển nhượng theo mẫu và cũng không công chứng hợp đồng theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn thì ông bà đã thỏa thuận phân chia mỗi người một thửa đất nêu trên với diện tích ngang nhau là chiều ngang mặt trước, mặt sau đều là 6m, chiều sâu là 25m. Quá trình sử dụng đất thì ông S đã xây dựng công trình nhà cửa lấn sang một phần đuôi đất của bà có diện tích sau khi đo đạc là 03m², bà đã yêu cầu ông S phải trả lại nhưng ông S không đồng ý. Nên bà đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Nguyễn Văn S phải tháo dỡ công trình xây dựng để trả cho bà diện tích đất 03m² thuộc một phần thửa 60 tờ bản đồ số 25 xã Đa Ròn theo như sơ đồ đo vẽ mà chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương lập ngày 25/3/2020, trường hợp ông S không trả được đất thì phải thanh toán giá trị đất cho bà theo giá mà Hội đồng định giá đã định giá. Ngày 13/11/2020 Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương đã mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án kiện của bà nhưng tại phiên tòa bà thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản chung của bà và ông S là diện tích 135m² thuộc một phần thửa 60, một phần thửa 61 tờ bản đồ số 25 xã ĐR, huyện ĐD (72m² + 63m²) Nếu không tách thửa được thì bà yêu cầu nhận diện tích đất và thanh toán lại ½ giá trị đất cho ông S hoặc ông S có yêu cầu nhận đất thì ông S phải thanh toán lại cho bà ½ giá trị đất. Ngoài ra, Bà không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn Ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông thừa nhận ông và Bà B trước đây là vợ chồng, có đăng ký kết hôn nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương. Trong vụ án ly hôn thì ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung mà để tự thỏa thuận và ông bà đã thỏa thuận phân chia tài sản chung là Bà B được chia diện tích đất có mặt tiền 6m, mặt sau 5.3m; phần đất còn lại giáp ranh với diện tích đất này là của ông, việc thỏa thuận phân chia này là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi phân chia thì ông đã giao đất cho Bà B theo giấy giao đất đề ngày 27/7/2018, sau khi nhận đất ông giao thì Bà B đã ký ghi họ tên vào giấy giao đất nêu trên. Trong quá trình sử dụng đất và làm nhà ông có mua của ông Nguyễn Văn Ph 1,2m đất ở phía cuối đất để cho đất được vuông vức. Nay Bà B khởi kiện yêu cầu chia đôi diện tích đất 135m² thuộc một phần thửa 60, một phần thửa 61 tờ bản đồ số 25 xã Đa Ròn, huyện Đơn Dương thì ông không đồng ý, ông đề nghị Tòa án giải quyết giữ nguyên thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa ông và Bà B theo giấy giao đất đề ngày 27/7/2018. Ngoài ra, ông không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hương Tr trình bày: Trước đây bà có khai phá được một diện tích đất tại thôn Suối Thông B1, xã Đa Ròn (tiếp giáp với Quốc lộ 27). Do không có nhu cầu sử dụng nữa nên vào năm 2010 bà đã bán lại cho vợ chồng Ông Nguyễn Văn S, Bà Huỳnh Thị B với giá 55.000.000 đồng, diện tích là 6m chiều ngang, chiều sâu 25m. Lúc này đất chưa được cấp sổ đỏ nên bà có viết giấy tay bán đất cho vợ chồng ông S, giấy lập ngày 6/6/2010 giữa bên bán là Nguyễn Thị Hương Tr với bên mua là Nguyễn Văn S. Bà đã giao đất cho vợ chồng ông S, Bà B từ năm 2010 và cũng đã nhận đủ tiền bán đất. Việc tranh chấp giữa Bà B với ông S thì bà không có ý kiến gì, đó là việc riêng của họ. Đối với việc sang nhượng đất vào năm 2010 cho Bà B với ông S thì bà cũng không có yêu cầu gì vì sự việc mua bán này đã hoàn thành từ lâu. Bà không có tranh chấp với ai trong vụ án này và cũng không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng H và bà Lương Thị Hoài Nh trình bày: Năm 2011 vợ chồng ông bà có bán cho vợ chồng Ông Nguyễn Văn S và Bà Huỳnh Thị B diện tích đất mặt tiền đường Quốc lộ 27 tại thôn suối Thông B1 xã Đa Ròn, Đơn Dương, Lâm Đồng có chiều rộng là khoảng 6,5m chiều dài khoảng 30m với giá 185.000.000 đồng đất chưa có sổ đỏ nên các bên chỉ lập giấy tay không lập hợp đồng theo quy định của pháp luật. Ông bà đã giao đất cho vợ chồng ông S Bà B và đã nhận đủ tiền. Ông bà không tranh chấp với gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ph trình bày: Cách đây khoảng gần 02 năm (ông không nhớ rõ ngày tháng ông có bán cho Ông Nguyễn Văn S một diện tích đất phía sau cuối đất của ông phần giáp ranh với đất của ông S với giá hơn 20.000.000 đồng, diện tích cụ thể ông không nhớ rõ nhưng phần đất bán này là hình tam giác có một cạnh giáp với phần đất ông S đang sử dụng, một cạnh giáp phía núi tính từ ranh đất của ông S sang đất của ông là hơn 01m (cũng không nhớ rõ cụ thể). Ông đã giao đất cho ông S và ông S cũng đã giao đủ tiền cho ông nhưng hai bên chỉ lập giấy tay mua bán đề ngày 05/8/2018 chứ không lập hợp đồng theo quy định của pháp luật. Việc tranh chấp giữa Bà B với ông S thì ông không có ý kiến gì, đó là việc riêng của họ. Đối với việc sang nhượng đất vào năm 2018 của ông với ông S thì ông cũng không có yêu cầu gì. Ông không có tranh chấp với ai trong vụ án này và cũng không có yêu cầu nào khác.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08A/2021/DS-ST ngày 13/5/2021 Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng đã xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Huỳnh Thị B về việc chia tài sản chung sau ly hôn với Ông Nguyễn Văn S:

Tạm giao cho Ông Nguyễn Văn S diện tích đất 72m² thuộc một phần thửa đất số 60 tờ bản đồ số 25 xã ĐR, huyện ĐD.

Tạm giao cho Bà Huỳnh Thị B diện tích đất 64m² thuộc một phần thửa đất số 61 tờ bản đồ số 25 xã ĐR, huyện ĐD.

Các bên đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Ông S phải thanh toán cho Bà B số tiền 45.000.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn S phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.644.000 đồng.

Bà Huỳnh Thị B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.644.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí Bà B đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0015857 ngày 25/7/2019 của Chi cục thi hành án huyện Đơn Dương. Hoàn trả cho Bà B 356.000 đồng tạm ứng án phí còn thừa.

Ngày 08/6/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng có Quyết định kháng nghị số 261/KN-VKS-DS về phần án phí.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn không đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà B và ông S ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01/3/2018. Về phần tài sản chung thì ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, tuy nhiên do ông S không thực hiện đúng thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp, Bà B khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn*” là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng về phần án phí. Theo hồ sơ thể hiện: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định diện tích 135m² thuộc một phần thửa 60, một phần thửa 61, tờ bản đồ số 25, xã ĐR, ĐD là tài sản chung của Bà B và ông S tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân, mỗi bên đều có công sức ngang nhau nên mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản theo giá thị trường là 675.000.000đ là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại căn cứ vào giá Nhà nước để tính án phí sơ thẩm nên chỉ buộc Bà B, ông S mỗi người phải chịu án phí với số tiền 4.644.000đ là không đúng quy định, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước. Do đó, cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí theo hướng buộc ông S, Bà B phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản mà họ được chia là $675.000.000đ = 20.000.000đ + (4\% \times 275.000.000đ) = 31.000.000đ$.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Xử:

Về án phí: Buộc Ông Nguyễn Văn S phải chịu 31.000.000đ (*Ba mươi một triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc Bà Huỳnh Thị B phải chịu 31.000.000đ (*Ba mươi một triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Bà B đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0015857 ngày 25/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Bà B còn phải nộp 26.000.000đ (*Hai mươi sáu triệu đồng*) án phí sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Đơn Dương (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự (05);
- Lưu AV – HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thanh